|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**Số:  **/**2022/QĐ-TTg  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

DỰ THẢO 3

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Cơ yếu ngày 26 tháng 11 năm 2011;*

*Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn Hệ thống thông tin theo cấp độ;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

 Quyết định này quy định về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước (sau đây gọi là Mạng truyền số liệu chuyên dùng).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan sử dụng dịch vụ
2. Cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên ở trung ương; Tỉnh ủy, thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này;
3. Cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên ở địa phương quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.
4. Đơn vị cung cấp dịch vụ
5. Cục Bưu điện Trung ương;
6. Các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng là mạng kết nối các cơ quan Đảng, Nhà nước từ trung ương đến cấp xã, được tổ chức, quản lý thống nhất, bảo đảm chất lượng, an toàn, bảo mật thông tin để trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước.
2. Mạng trục là hệ thống trung gian phục vụ chuyển tiếp kết nối giữa mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan sử dụng dịch vụ. Mạng trục gồm các thành phần sau:
3. Trung tâm miền là hệ thống gồm trung tâm dữ liệu, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, kênh truyền, hệ thống phụ trợ được lắp đặt phục vụ chuyển tiếp kết nối giữa miền Bắc, miền Trung, miền Nam và trong phạm vi một miền;
4. Trung tâm dự phòng là trung tâm miền phục vụ cho việc bảo đảm an toàn thông tin và khôi phục kết nối, dịch vụ trong trường hợp xảy ra sự cố đối với trung tâm miền;
5. Mạng đô thị là hệ thống gồm thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, kênh truyền, hệ thống phụ trợ được lắp đặt phục vụ chuyển tiếp kết nối cho các cơ quan Đảng, Nhà nước ở trung ương tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và chuyển tiếp kết nối lên trung tâm miền;
6. Trung tâm tỉnh là hệ thống gồm thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, kênh truyền, hệ thống phụ trợ được lắp đặt phục vụ chuyển tiếp kết nối cho các cơ quan Đảng, Nhà nước ở địa phương và chuyển tiếp kết nối lên trung tâm miền;

đ) Cổng kết nối là thiết bị mạng, thiết bị bảo mật hoặc thiết bị khác có chức năng tương đương để cung cấp giao diện kết nối giữa trung tâm tỉnh, mạng đô thị và thiết bị đầu cuối của mạng truy nhập.

1. Mạng truy nhập là hệ thống gồm thiết bị đầu cuối, kênh truyền phục vụ kết nối từ mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan sử dụng dịch vụ đến mạng trục. Mạng truy nhập gồm mạng truy nhập cấp I có phạm vi kết nối từ trung ương đến cấp tỉnh và mạng truy nhập cấp II có phạm vi kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã.
2. Trung tâm vận hành, khai thác mạng là trung tâm gồm hạ tầng nhà trạm, hệ thống phần cứng, phần mềm, hệ thống phụ trợ được lắp đặt phục vụ vận hành, giám sát an toàn thông tin và kiểm soát truy nhập Mạng truyền số liệu chuyên dùng trong phạm vi một miền.
3. Trung tâm điều hành mạng là trung tâm gồm hạ tầng nhà trạm, hệ thống phần cứng, phần mềm, hệ thống phụ trợ được lắp đặt phục vụ quản lý, điều hành, giám sát an toàn thông tin và kiểm soát truy nhập Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên phạm vi toàn quốc.
4. Thiết bị đầu cuối là thiết bị viễn thông được đấu nối vào điểm kết cuối của Mạng truyền số liệu chuyên dùng để gửi, truyền, nhận và xử lý thông tin của cơ quan sử dụng dịch vụ.
5. Thiết bị người dùng là thiết bị máy tính, thiết bị cầm tay (sử dụng địa chỉ IP) của cơ quan sử dụng dịch vụ kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng.
6. Điểm kết cuối của Mạng truyền số liệu chuyên dùng là điểm đấu nối vật lý bảo đảm việc đấu nối thiết bị đầu cuối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng.
7. Dịch vụ truy nhập Internet chuyên dùng là dịch vụ do Cục Bưu điện Trung ương cung cấp cho Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan Đảng ở trung ương.
8. Địa chỉ Internet (địa chỉ IP) là địa chỉ mạng của thiết bị bao gồm các thế hệ địa chỉ IPv4, IPv6.

**Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Mạng truyền số liệu chuyên dùng**

Mạng truyền số liệu chuyên dùng được thiết lập và duy trì hoạt động bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Thống nhất trong tổ chức, quản lý, kết nối và bảo đảm an toàn thông tin;
2. Bảo đảm chất lượng, an toàn, bảo mật thông tin;
3. Kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng;
4. Các kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng được giám sát, kiểm soát tập trung.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH VỀ MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG**

**Điều 5. Tổ chức, quản lý, vận hành**

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng có phạm vi kết nối từ trung ương đến cấp xã cung cấp dịch vụ cho các cơ quan quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.
2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng bao gồm các thành phần sau:
3. Mạng trục do Cục Bưu điện Trung ương trực tiếp quản lý gồm: trung tâm miền, mạng đô thị và cổng kết nối tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh; trung tâm dự phòng; trung tâm tỉnh và cổng kết nối tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
4. Mạng truy nhập gồm: mạng truy nhập cấp I do Cục Bưu điện Trung ương trực tiếp quản lý, vận hành cung cấp dịch vụ cho các cơ quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này; mạng truy nhập cấp II do cơ quan chuyên trách công nghệ thông tin của bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý, vận hành hoặc thuê dịch vụ của doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ cho các cơ quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định này;
5. Trung tâm điều hành mạng tại Hà Nội và ba trung tâm vận hành, khai thác mạng tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh do Cục Bưu điện Trung ương trực tiếp quản lý, vận hành.
6. Mạng trục, mạng truy nhập cấp I được vận hành qua hệ thống quản lý mạng tập trung tại trung tâm điều hành mạng. Mạng truy nhập cấp II do đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin tại địa phương vận hành bằng công cụ được phân quyền.

**Điều 6. Dịch vụ và ứng dụng**

1. Dịch vụ cung cấp trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng bao gồm:
2. Dịch vụ mạng riêng ảo;
3. Dịch vụ hội nghị truyền hình;
4. Dịch vụ truy nhập Internet chuyên dùng;
5. Các dịch vụ khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
6. Ứng dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng bao gồm:
7. Ứng dụng phục vụ các cơ quan Đảng;
8. Ứng dụng phục vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số;
9. Ứng dụng phục vụ Quốc hội;
10. Các ứng dụng khác phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

**Điều 7. Kết nối**

1. Kết nối mạng trục: kết nối giữa các trung tâm miền và kết nối từ trung tâm miền đến mạng đô thị, trung tâm tỉnh bằng hai kênh truyền cáp quang theo hai hướng vật lý khác nhau bảo đảm tốc độ và khả năng điều chỉnh dung lượng kênh truyền để cung cấp dịch vụ cho cơ quan Đảng, Nhà nước.
2. Mạng trục kết nối đến thiết bị đầu cuối của mạng truy nhập:
3. Kết nối từ mạng đô thị, trung tâm tỉnh đến thiết bị đầu cuối tại trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan sử dụng dịch vụ bằng hai kênh truyền cáp quang trực tiếp hoặc hạ tầng của doanh nghiệp viễn thông theo hai hướng vật lý khác nhau bảo đảm tốc độ, khả năng điều chỉnh dung lượng kênh truyền và đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Quyết định này;
4. Kết nối từ mạng đô thị, trung tâm tỉnh đến thiết bị đầu cuối tại cơ quan sử dụng dịch vụ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này bằng hai kênh truyền cáp quang trực tiếp theo hai hướng vật lý khác nhau bảo đảm tốc độ, khả năng điều chỉnh dung lượng kênh truyền và đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Quyết định này;
5. Kết nối từ trung tâm tỉnh đến thiết bị đầu cuối tại cơ quan sử dụng dịch vụ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định này bằng kênh truyền cáp quang hoặc hạ tầng của doanh nghiệp viễn thông đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Quyết định này.
6. Kết nối từ thiết bị đầu cuối của mạng truy nhập đến mạng nội bộ, trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan sử dụng dịch vụ theo hướng dẫn về mô hình kết nối của Bộ Thông tin và Truyền thông.
7. Cơ quan sử dụng dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này kết nối với nhau thông qua thiết bị mạng tại các trung tâm tỉnh.
8. Kết nối với các mạng khác, các hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
9. Bảo đảm thống nhất tài nguyên địa chỉ IP và định tuyến theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

 **Điều 8. Bảo đảm an toàn thông tin**

1. Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ:
2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng được phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các văn bản hướng dẫn liên quan;
3. Các hệ thống thông tin của cơ quan sử dụng dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP;
4. Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin của doanh nghiệp viễn thông tham gia cung cấp dịch vụ mạng truy nhập cấp II được phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.
5. Trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan sử dụng dịch vụ được kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin và khắc phục các lỗ hổng bảo mật (nếu có) trước khi kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng và kiểm tra định kỳ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
6. Các kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng được giám sát an toàn thông tin và kiểm soát truy nhập tập trung như sau:
7. Thiết bị đầu cuối tại cơ quan sử dụng dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng được giám sát an toàn thông tin tập trung tại trung tâm điều hành mạng;
8. Thiết bị người dùng tham gia kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải được giám sát an toàn thông tin tập trung tại bộ, ngành, địa phương;
9. Hệ thống thông tin, thiết bị người dùng bị ngắt kết nối đến Mạng truyền số liệu chuyên dùng qua hệ thống kiểm soát truy nhập tập trung nếu không tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ hoặc các yêu cầu an toàn tại cổng kết nối.
10. Chia sẻ thông tin giám sát:
11. Các thiết bị mạng của doanh nghiệp viễn thông tham gia cung cấp dịch vụ mạng truy nhập cấp II phải chia sẻ thông tin giám sát kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng với trung tâm điều hành mạng;
12. Bộ, ngành, địa phương thực hiện chia sẻ thông tin giám sát an toàn thông tin thiết bị người dùng, máy chủ tham gia kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng với trung tâm điều hành mạng.
13. Thiết bị đầu cuối sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải đáp ứng các yêu cầu sau:
14. Hỗ trợ tính năng quản lý mạng tập trung;
15. Hỗ trợ đồng thời giao thức mạng IPv4, IPv6;
16. Phân tách được kết nối giữa các mạng khác nhau;
17. Các yêu cầu khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

**Điều 9. Chất lượng**

1. Dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải đáp ứng các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng kỹ thuật, chỉ tiêu chất lượng phục vụ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
2. Mạng truyền số liệu chuyên dùng phải bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục 24 giờ trong 01 ngày và 07 ngày trong một tuần, kể cả ngày nghỉ lễ, Tết.
3. Mạng truyền số liệu chuyên dùng được đầu tư thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, hệ thống giám sát an toàn thông tin, kiểm soát truy nhập tập trung và các thiết bị phụ trợ, thường xuyên được rà soát, nâng cấp để bảo đảm chất lượng dịch vụ.

**Điều 10. Kinh phí bảo đảm hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ của Mạng truyền số liệu chuyên dùng**

1. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí đầu tư, hiện đại hóa, nâng cấp, duy trì hoạt động của mạng trục, mạng truy nhập cấp I, trung tâm điều hành mạng và trung tâm vận hành, khai thác mạng (bao gồm cả chi phí thuê hạ tầng, kênh truyền) để cung cấp dịch vụ không thu cước cho các cơ quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2; bảo đảm kinh phí giám sát an toàn thông tin và kiểm soát truy nhập tập trung cho toàn Mạng truyền số liệu chuyên dùng.
2. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí đầu tư, duy trì hoạt động và kinh phí sử dụng dịch vụ của mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định này theo các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

 **Điều 11. Quyền và trách nhiệm của Cục Bưu điện Trung ương**

1. Quản lý, giám sát, kiểm soát truy nhập Mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, chất lượng, an toàn và bảo mật thông tin.
2. Đầu mối vận hành Mạng truyền số liệu chuyên dùng, trực tiếp vận hành mạng trục, mạng truy nhập cấp I, trung tâm điều hành mạng và trung tâm vận hành, khai thác mạng.
3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp viễn thông thực hiện kết nối mạng, kiểm tra, xử lý sự cố kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.
4. Được ngân sách trung ương cấp kinh phí cho việc đầu tư, hiện đại hóa, nâng cấp, duy trì hoạt động của mạng trục, mạng truy nhập cấp I, trung tâm điều hành mạng và trung tâm vận hành, khai thác mạng (bao gồm cả chi phí thuê hạ tầng, kênh truyền) và giám sát an toàn thông tin và kiểm soát truy nhập tập trung cho toàn Mạng truyền số liệu chuyên dùng.
5. Bảo đảm việc thiết lập hệ thống quản lý mạng, giám sát an toàn thông tin và kiểm soát truy nhập tập trung từ trung ương đến thiết bị đầu cuối cấp xã theo tiến độ các dự án đầu tư về Mạng truyền số liệu chuyên dùng thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Cục Bưu điện Trung ương.

**Điều 12. Quyền và trách nhiệm của cơ quan sử dụng dịch vụ**

1. Cơ quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Quyết định này được sử dụng dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng không phải trả cước dịch vụ.
2. Cơ quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định này sử dụng dịch vụ trong phạm vi hoạt động của Mạng truyền số liệu chuyên dùng thực hiện mua sắm dịch vụ theo quy định hiện hành về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.
3. Kiểm tra bảo đảm an toàn thông tin trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ trước khi kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng và kiểm tra định kỳ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và quy định tại Quyết định này.
4. Giám sát an toàn thông tin, kiểm soát truy nhập trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin, mạng nội bộ khi kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng, chia sẻ thông tin giám sát theo quy định tại Quyết định này và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.
5. Bảo đảm hạ tầng lắp đặt thiết bị hoạt động ổn định, liên tục, bảo vệ thiết bị và hạ tầng Mạng truyền số liệu chuyên dùng đặt tại cơ quan theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
6. Chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin truyền đưa trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo đúng quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ**

1. Tổ chức thực hiện các quy định về dịch vụ, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin, chất lượng theo quy định tại Quyết định này và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
2. Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương triển khai kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm cung cấp dịch vụ liên tục, chất lượng, an toàn và bảo mật thông tin.
3. Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý sự cố kỹ thuật, bảo đảm chất lượng dịch vụ, an toàn và bảo mật thông tin.

**Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông**

1. Xây dựng kế hoạch hoặc đề án phát triển, thiết kế Mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm nâng cao chất lượng dịch vụ, phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.
2. Ban hành quy định về kết nối, bảo đảm an toàn, chất lượng, dịch vụ trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng và chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định này.
3. Phân quyền cho đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin tại địa phương vận hành mạng truy nhập cấp II và cơ quan sử dụng dịch vụ giám sát an toàn thông tin, kiểm soát truy nhập trong phạm vi quản lý.
4. Định kỳ đánh giá quyết định việc điều chỉnh dung lượng kênh truyền bảo đảm đáp ứng yêu cầu sử dụng của các cơ quan Đảng, Nhà nước ở trung ương.
5. Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.
6. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công để đầu tư, hiện đại hóa Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

**Điều 15. Trách nhiệm của Ban Cơ yếu Chính phủ**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan bảo đảm bảo mật cho các hệ thống thông tin có dữ liệu mật trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng theo đúng quy định của Luật Cơ yếu và Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước.

**Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông bảo đảm kinh phí từ ngân sách nhà nước cho hoạt động của Mạng truyền số liệu chuyên dùng và việc sử dụng dịch vụ của các cơ quan Đảng, Nhà nước theo các quy định tại Quyết định này.

**Điều 17. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông bố trí vốn đầu tư công để đầu tư, nâng cấp và giám sát Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

**Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

1. Quản lý hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn theo Quyết định này và quy định của pháp luật liên quan.
2. Triển khai mạng truy nhập cấp II tuân thủ các quy định về vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Quyết định này và quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
3. Ban hành quy định về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương.
4. Bảo đảm kinh phí từ ngân sách địa phương cho hoạt động và sử dụng dịch vụ Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

 **Điều 19. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 202 .
2. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật sau:
3. Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;
4. Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;
5. Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.
6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Các cơ quan Đảng ở trung ương;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- Ban Cơ yếu Chính phủ;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KSTT ( ).  | **KT. THỦ TƯỚNG****PHÓ THỦ TƯỚNG****Vũ Đức Đam** |

**Phụ lục I**

**DANH SÁCH CƠ QUAN SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG Ở TRUNG ƯƠNG**

*(Kèm theo Quyết định số / /QĐ-TTg ngày tháng năm của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **CƠ QUAN, TỔ CHỨC** |
| **I** | **CÁC CƠ QUAN ĐẢNG** |
| 1 | Các cơ quan Đảng ở trung ương |
| 2 | Đảng bộ trực thuộc trung ương |
| 3 | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Báo Nhân dân, Tạp chí Cộng sản, Ban Bảo vệ, Chăm sóc sức khỏe cán bộ Trung ương, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật |
| 4 | Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương |
| **II** | **CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC** |
| 1 | Các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội |
| 2 | Văn phòng Chủ tịch nước |
| 3 | Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ |
| 4 | Tòa án nhân dân tối cao |
| 5 | Viện kiểm sát nhân dân tối cao |
| 6 | Kiểm toán nhà nước |
| 7 | Ban Cơ yếu Chính phủ |
| 8 | Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |
| 9 | Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |
| **III** | **MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI THÀNH VIÊN** |

**Phụ lục II**

**DANH SÁCH CƠ QUAN SỬ DỤNG DỊCH VỤ CỦA MẠNG TRUYỀN SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG Ở ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo Quyết định số / /QĐ-TTg ngày tháng năm của Thủ tướng Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **CƠ QUAN, TỔ CHỨC** |
| **I** | **CẤP TỈNH** |
| 1 | Các ban thuộc tỉnh ủy, thành ủy |
| 2 | Đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy  |
| 3 | Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân |
| 4 | Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức thuộc cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đặt tại địa phương |
| 5 | Tòa án nhân dân  |
| 6 | Viện kiểm sát nhân dân |
| 7 | Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên  |
| **II** | **CẤP HUYỆN** |
| 1 | Huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy |
| 2 | Hội đồng nhân dân |
| 3 | Ủy ban nhân dân |
| 4 | Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện |
| 5 | Tòa án nhân dân |
| 6 | Viện kiểm sát nhân dân |
| 7 | Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên |
| **III** | **CẤP XÃ** |
| 1 | Đảng ủy xã, phường, thị trấn |
| 2 | Hội đồng nhân dân |
| 3 | Ủy ban nhân dân |